

Bản án số: **08/2024/DS - ST**

Ngày 19 tháng 6 năm 2024

“ *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-DSST ngày 03/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Mai Phúc T, sinh năm 1948; Địa chỉ: xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).
- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988; ĐKKH và trú tại: xóm A, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; Địa chỉ: xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Người đại diện theo ủy quyền của bà N:* Ông Mai Phúc T, sinh năm 1948; Địa chỉ: xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Phúc T trình bày:

Năm 2019 anh **Trần Văn T1** có vay tiền của vợ chồng ông làm tôn hiên nhà ở và mua máy rửa xe với số tiền vay là 53 triệu đồng, thời hạn vay là 1 năm trả hết, hai bên không tính lãi. Đã hết thời hạn vay 1 năm nhưng anh **T1** không trả. Ông đã đòi nhiều lần thì đến 23/6/2023 anh **T1** trả cho ông 15 triệu đồng, hiện còn nợ lại 38 triệu đồng. Từ đó đến nay ông đòi nhiều lần nhưng anh **T1** vẫn không trả số tiền còn nợ lại.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết: Buộc anh **Trần Văn T1** phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ là 38 triệu đồng. Không yêu cầu anh **T1** phải trả tiền lãi suất.

*Bị đơn anh **Trần Văn T1** trình bày trong bản tự khai ngày 09/5/2024 như sau:*

Trước đây anh có vay ông bà **T** số tiền 53 triệu để mua sắm đồ rửa xe, hai bên thỏa thuận không tính lãi suất. Ngày 23/6/2023 anh đã trả cho ông **T** được 15 triệu đồng. Hiện nay anh còn nợ ông bà **T** 38 triệu đồng. Nay ông **T** làm đơn yêu cầu Tòa án buộc anh phải trả số tiền 38 triệu đồng thì anh cũng đồng ý trả nhưng hiện nay anh làm ăn khó khăn, vợ anh chết anh phải nuôi con nhỏ là cháu ngoại của ông bà **T**. Do vậy anh đề nghị Tòa án và ông **T** cho anh thời gian để anh thu xếp khi nào có anh sẽ trả và thanh toán đầy đủ số tiền 38 triệu đồng cho ông bà **T**.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung

Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là anh **Trần Văn T1** phải trả cho vợ chồng ông **T**, bà **N** số tiền 38.000.000 đồng. Về án phí buộc anh **Trần Văn T1** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là anh **Trần Văn T1**, cư trú tại địa chỉ **xóm A, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình**; Căn cứ quy định tại Điều 26 khoản 9, Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: nguyên đơn, đại diện ủy quyền của người liên quan có mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt vì lý do công việc không thể trực tiếp tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ, Tòa án nhân dân huyện K xét xử vắng mặt, bị đơn.

[3] Về số tiền nợ: Căn cứ chứng cứ gốc do nguyên đơn ông Mai Phúc T giao nộp thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 23/6/2023 có nội dung anh Trần Văn T1 trả ông T số tiền 15.000.000 đồng trong tổng số nợ 53.000.000 đồng và số tiền nợ còn lại là 38.000.000 đồng; Tại bản tự khai ngày 09/5/2024 bị đơn anh Trần Văn T1 cũng công nhận còn nợ vợ chồng ông T số tiền 38.000.000 đồng.

Như vậy có thể kết luận anh Trần Văn T1 có vay của vợ chồng ông Mai Phúc T số tiền gốc là 53.000.000 đồng đã trả ông T số tiền 15.000.000 đồng và số tiền nợ còn lại là 38.000.000 đồng

[4] Về người có nghĩa vụ trả nợ: Theo ông T trình bày năm 2019 anh Trần Văn T1 có vay tiền của ông làm tôn hiên nhà ở và mua máy rửa xe; số tiền vay khi đó được vợ chồng anh T1 làm mái tôn hiên nhà ở và mua máy rửa xe, sử dụng chung trong gia đình là khoản nợ chung của vợ chồng anh T1. Nay vợ anh T1 đã chết tài sản chung của vợ chồng anh chưa chia thừa kế, theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân & gia đình, nghĩa vụ tài sản này do anh T1 chịu trách nhiệm toàn bộ sẽ được khấu trừ vào tài sản là di sản thừa kế của vợ anh T1 khi chia di sản thừa kế.

[5] Về mức lãi phải trả thanh toán cho nhau: cả ông T và anh T1 đều xác nhận không có lãi. Do đó có thể xác định số tiền ông T cho anh T1 vay không có lãi suất. Tại phiên tòa ông T cũng không yêu cầu về phần lãi chậm trả của anh T1 đối với ông; do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

Căn cứ quy định nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở chấp nhận; buộc phía bị đơn anh T1 phải trả cho vợ chồng ông T số tiền 38.000.000^d.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí; theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH; bị đơn phải chịu án phí trên tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phải thanh toán cho nguyên đơn.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn ông Mai Văn T2 đối với bị đơn anh Trần Văn T1.

Buộc anh **Trần Văn T1** phải trả cho vợ chồng ông **Mai Phúc T** số tiền 38.000.000^d (Ba tám triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Buộc anh **Trần Văn T1** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.900.000^d.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND, VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh